

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 11 - 2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lư Văn Sĩ.
- Ông Nguyễn Hoa Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 158./108 Elizabeth tress Richmond, vic 3121 Australia (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm L - Công ty Luật TNHH P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 3A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn C trình bày:

Chị và anh Dương T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chị và anh Dương T chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không phù hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Nguyễn C yêu cầu được ly hôn với anh Dương T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Dương T có hai con chung tên Dương CT (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Dương TP (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2015. Chị đồng ý cho anh Dương T được quyền nuôi dưỡng hai con chung và mỗi tháng chị cấp dưỡng nuôi hai con chung là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Dương T có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ thửa số 2040 (thửa mới 2057), tờ bản đồ số 3C tại ấp 3A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD450618, số vào sổ cấp GCN: CH00305 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2011 (chỉnh lý ngày 26/3/2012). Nhà và đất có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), chị yêu cầu được nhận giá trị 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), giao nhà cho anh Dương T sở hữu, sử dụng. Đến ngày 21/6/2024, chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, để các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Về nợ chung: Chị Nguyễn C khai không có.

Bị đơn anh Dương T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do hôn nhân không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn C. Về con chung anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Dương CT (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Dương TP (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2015 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi hai con chung của chị C là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung anh với chị Nguyễn C tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn C được ly hôn với anh Dương T. Về con chung anh Dương T được quyền nuôi dưỡng hai con chung và ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn C. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận; nợ chung đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn C đang sinh sống tại Australia có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Dương T có địa chỉ tại ấp 3A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn C, anh Dương T và Luật sư Phạm Thị Linh đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn C và anh Dương T có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn C và anh Dương T đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc và đã đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn C và anh Dương T có 02 con chung là cháu Dương CT (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Dương TP (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2015. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024, cháu Dương CT và cháu Dương TP có nguyện vọng sống cùng với anh Dương T. Đồng thời, chị Nguyễn C đồng ý giao 02 con chung cho anh Dương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung, hai cháu là 8.000.000 đồng/tháng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, để các bên tự thỏa thuận. Xét đây, là sự tự nguyện của chị Nguyễn C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn C.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn C và anh Dương T đều khai không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83, Điều 116, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn C và anh Dương T.

2. Về con chung:

2.1 Anh Dương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Dương CT (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Dương TP (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2015. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn C không ai được cản trở.

2.2 Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn C về việc cấp dưỡng Dương CT (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Dương TP (Giới tính: Nam), sinh ngày 09/8/2015, với mức cấp dưỡng cho hai cháu là 8.000.000 đồng/tháng (Tám triệu đồng/tháng), về thời gian cấp dưỡng thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn C đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

4. Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn C phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng; chuyển tiền tạm ứng án phí 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Phiếu thu số PT2024/045 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn C được nhận lại 11.925.000 đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Anh Dương T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Đình Nghệ